

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 27/4/2023
“V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Minh Hương
- Ông Trần Ngọc Thịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai -
Thư ký Tòa án quận Hoàn Kiếm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2022/TLST-DS ngày 10/10/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 05/4/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N (viết tắt là V);** địa chỉ: Số 198 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thiệu Quang Hiệp - Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(Theo Giấy ủy quyền số 676/UQ-VCB-PC ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N)

Ông Hiệp ủy quyền tham gia tố tụng cho:

1. Bà Phạm Thu Phương - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

2. Ông Nguyễn Khắc Minh Thọ - Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(Theo Giấy ủy quyền số 714/UQ-HKI.KHBL ngày 02/8/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP N (V) - Chi nhánh Hoàn Kiếm.)

(Ông Thọ, bà Phương có mặt).

*** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tú O**, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: Phòng 505 nhà tập thể 40 L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2022, Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 02/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tú O CCCD số: 001191020555 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/8/2019 (CMND cũ số: 012811021 do Công an thành phố Hà Nội cấp) được V Chi nhánh Hoàn Kiếm cấp tín dụng theo Hợp đồng cho vay số 48/2020/KHBL-MUANHA ngày 06/03/2020.

Mục đích vay: bù đắp một phần chi phí nhận chuyển nhượng các bất động sản tại địa chỉ:

- Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49 Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/5/2001 cho ông Trần Phó, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

+ Tài sản bảo đảm:

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 23 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/5/2001 cho ông Trần Phó, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 18 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

+ Khoản vay của khách hàng được giải ngân theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 10/03/2020, số tiền là: 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng). Thời hạn cho vay; mục đích sử dụng vốn vay; lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn được thể hiện cụ thể trong Giấy nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị O đã trả được cho Ngân hàng số tiền 7.648.180.721 đồng, trong đó nợ gốc là: 3.250.032.470 đồng, nợ lãi là 4.398.148.251 đồng. Từ ngày 26/5/2022 cho đến nay chị Nguyễn Thị Tú O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, từ ngày 26/5/2022 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của chị O sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ tại V - Chi nhánh Hoàn Kiếm, với tổng dư nợ gốc tại thời điểm quá hạn là 26.749.967.530 VND.

Từ ngày 26/5/2022 chị O đã không thanh toán gốc, lãi cho V - Chi nhánh Hoàn Kiếm. V đã nhiều lần làm việc và gửi Công văn thông báo nợ, thông báo xử lý tài sản bảo đảm đến chị O đề yêu cầu chị O thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nhưng chị O không thực hiện.

Nay Ngân hàng khởi kiện chị Nguyễn Thị Tú O đến Tòa án quận Hoàn Kiếm, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O phải trả số tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng, tạm tính đến hết ngày 14/02/2023 là: 28.830.343.536 đồng (hai mươi tám tỷ, tám trăm ba mươi triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng), trong đó:

+ Nợ gốc là: 26.749.967.530 VND.

+ Lãi trong hạn là: 2.039.308.046 VND.

+ Lãi phạt lãi chậm trả gốc, lãi là: 41.067.960 VND.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Tú O phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 48/2020/KHBL-MUANHA ngày 06/03/2020, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế chị O trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP N (V).

3. Nếu chị O không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP N (V) thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 338, quyển số 01T TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 06 tháng 03 năm 2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 23 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/5/2001 cho ông Trần Phó, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019 - theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số công chứng 338, quyển số 01T TP/CC - SCC/HĐGD ký ngày 06/03/2020 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị Tú O.

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: Thửa số 18 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019 - theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số công chứng 338, quyển số 01T TP/CC - SCC/HĐGD ký ngày 06/03/2020 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị Tú O.

4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho V thì V thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị O để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn - chị Nguyễn Thị Tú O:** Không đến Tòa án, không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp

tài liệu, chứng cứ mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký, số tiền tạm tính đến hết ngày 26/4/2023 là: 29.477.009.847 đồng (hai mươi chín tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm linh chín nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là: 26.749.967.530 đồng; lãi trong hạn là: 2.656.682.639 đồng; lãi phạt gốc quá hạn là: 19.263.742 đồng; lãi phạt lãi quá hạn là: 51.095.936 đồng.

Yêu cầu chị O tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và giữ nguyên ý kiến về việc yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo là:

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 23 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2001 cho ông Trần Phó, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019 - theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số công chứng 338, quyền số 01T TP/CC - SCC/HĐGD ký ngày 06/03/2020 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị Tú O.

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: Thửa số 18 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019 - theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số công chứng 338, quyền số 01T TP/CC - SCC/HĐGD ký ngày 06/03/2020 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị Tú O.

Đề thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng V.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho V thì V thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Nguyễn Thị Tú O để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn - chị Nguyễn Thị Tú O:*** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị O là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng cho vay số 48/2020/KHBL-MUANHA ngày 06/03/2020 giữa nguyên đơn V và bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện Hợp đồng, chị O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký nên Ngân hàng TMCP N (V) đã có Đơn khởi kiện yêu cầu chị O trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt gốc quá hạn, lãi phạt lãi quá hạn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo nêu trên của Ngân hàng V nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, thực hiện đúng hình thức và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Bằng tài sản hợp pháp của mình, chị O thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của chị, do đó Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Trường hợp chị O vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 23 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng - theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2001 cho ông Trần Phỏ, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019 - theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số công chứng 338, quyển số 01T TP/CC - SCC/HĐGD ký ngày 06/03/2020 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị Tú O.

Và Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: Thửa số 18 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019 - theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số công chứng 338, quyển số 01T TP/CC - SCC/HĐGD ký ngày 06/03/2020 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị Tú O. Trường hợp không đủ, chị O tiếp tục có trách nhiệm trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng V tuyên nêu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho V thì V thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị O để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, đây là giai đoạn thi hành án dân sự nên không xét.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[II]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng:

1. Về thẩm quyền: Tại điểm 14.1 Điều 14 Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng V và bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O có thỏa thuận về cơ quan giải quyết tranh chấp như sau: “ Trường hợp không thương lượng được, các bên nhất trí giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tại nơi Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Hoàn Kiếm đặt trụ sở tại thời điểm nộp Đơn khởi kiện”. Ngân hàng V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có địa chỉ tại 23 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) khởi kiện chị Nguyễn Thị Tú O yêu cầu Tòa án tuyên buộc chị O phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay đã ký giữa Ngân hàng V với chị O. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký giữa các bên, do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị Tú O ký Hợp đồng cho vay số 48/2020/KHBL-MUANHA ngày 06/03/2020. Tại Giấy nhận nợ kèm theo, các bên thỏa thuận về ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/03/2040. Quá trình thực hiện Hợp đồng, do chị O vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/8/2022 Ngân hàng V nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

4. Về thủ tục tố tụng: Việc xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O: Bị đơn chị O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo đến Tòa làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập chị O đến Tòa án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Đơn khởi kiện và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện của Ngân hàng V. Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 8h30 ngày 05/4/2023, do bị đơn chị O vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo tiếp tục mở lại phiên tòa vào hồi 08h30 ngày 27/4/2023 và đã tổng đạt hợp lệ cho chị O, nhưng chị O vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị O là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[III]. Về nội dung vụ án:

1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ:

1.1. Ngày 06/03/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) do ông Nguyễn Tuấn Nam, Phó Giám đốc V - Chi nhánh Hoàn Kiếm là đại diện và chị Nguyễn Thị Tú O ký Hợp đồng cho vay số 48/2020/KHBL-MUANHA, số tiền Ngân hàng giải ngân cho chị O vay tối đa là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng); mục đích cho vay: bù đắp một phần mua các bất động sản. Lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn được thể hiện cụ thể theo Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các

đương sự đều công nhận việc ký kết Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đúng chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng nên Hợp đồng cho vay trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

1.2. Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay trên, ngày 10/03/2020, Ngân hàng V đã giải ngân cho chị O số tiền là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 10/03/2020. Quá trình thực hiện Hợp đồng, chị Nguyễn Thị Tú O đã thanh toán được một khoản nợ gốc là 3.250.032.470 đồng và khoản nợ lãi là 4.398.148.251 đồng. Sau đó, chị O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 26/5/2022 khoản nợ của chị O bị chuyển sang quá hạn. Ngân hàng V đã gửi nhiều Thông báo, Công văn yêu cầu chị O trả nợ, hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định, nhưng chị O không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện chị O đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị O phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt gốc quá hạn và lãi phạt lãi quá hạn của Hợp đồng cho vay là 29.477.009.847 đồng (hai mươi chín tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm linh chín nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị O không có mặt, không có lời khai về quá trình vay nợ, trả nợ. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ. Đối chiếu với khoản nợ gốc đã giải ngân, số tiền chị O đã trả Ngân hàng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

1.3. Ngân hàng V yêu cầu chị O trả số tiền nợ lãi trong hạn; lãi phạt gốc quá hạn và lãi phạt lãi quá hạn.

Xét, Hợp đồng cho vay số 48/2020/KHBL-MUANHA ngày 06/03/2020, Giấy nhận nợ số 01 ngày 10/03/2020, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay cố định giai đoạn 1 áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8.1%/năm; Giai đoạn 2 áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm đó.

Đối với khoản lãi phạt trên nợ gốc thực tế chính là khoản lãi chậm trả trên nợ gốc đã được các bên quy định trong Hợp đồng cho vay là phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản phạt trên nợ lãi quá hạn, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc tính lãi đối với các Hợp đồng tín dụng xác lập sau ngày 01/01/2017. Theo đó, trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì phải chịu lãi chậm trả nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định. Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng V và chị O ký kết ngày 06/03/2020 thuộc trường hợp được áp dụng quy định về cách tính lãi suất như trên. Mức lãi suất Ngân hàng V áp dụng đối với lãi chậm trả là 5%/năm là phù hợp với quy

định của Bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất giới hạn. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác nhận tổng số nợ lãi đã tính theo đúng thỏa thuận trên.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của các bên tại Hợp đồng và các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng thể hiện tại bảng tính tổng hợp gốc lãi.

Vì vậy, Ngân hàng V yêu cầu chị O thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi phạt gốc quá hạn và lãi phạt lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xác định tính đến hết ngày 26/4/2023 chị O còn nợ Ngân hàng V số tiền nợ lãi trong hạn là: 2.656.682.639 đồng; lãi phạt gốc quá hạn là: 19.263.742 đồng; lãi phạt lãi quá hạn là: 51.095.936 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu bị đơn chị O tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ của nguyên đơn: Khoản vốn vay của chị Nguyễn Thị Tú O tại Ngân hàng V được thế chấp bằng hai tài sản đảm bảo cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 23 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2001 cho ông Trần Phó, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 18 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

Trường hợp chị O không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V.

Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo cho Hợp đồng cho vay trên chị Nguyễn Thị Tú O đã ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 338 quyền số 01T TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 06/03/2020. Tài sản thế chấp trên đã đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 23 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành

phố Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2001 cho ông Trần Phó, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 18 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

Xét, Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, hình thức và nội dung thế chấp được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Cơ quan có thẩm quyền, do đó Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quy định: “Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà khách hàng (đồng thời là bên thế chấp) phải trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán”.

Như vậy, chị O tự nguyện thỏa thuận với Ngân hàng V về việc dùng toàn bộ tài sản của mình thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của chị O tại V. Việc chị O vi phạm nghĩa vụ thanh toán là cơ sở để V có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Yêu cầu của V về việc được kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, gồm:

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 23 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2001 cho ông Trần Phó, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 18 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

Để thu hồi toàn bộ khoản nợ khi chị O vi phạm nghĩa vụ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của V tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho V thì V thông qua V Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Nguyễn Thị Tú O để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, đây là giai đoạn thi hành án dân sự, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 223; Điều 280; Điều 305; Điều 429; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 318; Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc tính lãi đối với các Hợp đồng tín dụng được xác lập sau ngày 01/01/2017;

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 của Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1.2, điểm e khoản 1.4 Điều 1 Mục II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O.

2. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt gốc quá hạn, lãi phạt lãi quá hạn của Hợp đồng cho vay số 48/2020/KHBL-MUANHA ngày 06/03/2020 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 10/03/2020, tạm tính đến hết ngày 26/4/2023 là: **29.477.009.847 đồng (hai mươi chín tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm linh chín nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng)**, trong đó:

+ Dư nợ gốc là: 26.749.967.530 đồng (hai mươi sáu tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi đồng).

+ Lãi trong hạn là: 2.656.682.639 đồng (hai tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

+ Lãi phạt gốc quá hạn là: 19.263.742 đồng (mười chín triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

+ Lãi phạt lãi quá hạn là: 51.095.936 đồng (năm mươi một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi sáu đồng).

3. Bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O tiếp tục phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 48/2020/KHBL-

MUANHA ngày 06/03/2020 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 10/03/2020 đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/4/2023 cho đến khi chi O thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V).

4. Trường hợp bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V), thì Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 23 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: Tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404030163 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2001 cho ông Trần Phó, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại: thửa số 18 tờ bản đồ số 114, địa chỉ: 227 T, Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 383562 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2008 cho ông Ngô Sỹ Quang, đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Tú O ngày 10/12/2019.

Để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V).

5. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, trông giữ, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng thu nợ còn thiếu thì chị Nguyễn Thị Tú O vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 137.477.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N (V) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 67.732.000 đồng (sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng) - theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0051889 ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

7. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Nguyễn Khắc Minh Thọ và bà Phạm Thu Phương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N (V). Vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Tú O. Tòa án báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hoàn Kiếm;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Hoàn Kiếm;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền Hoà